

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST  
Ngày: 13-03-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Ông Bò Quốc Khánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Tấn P (tên gọi khác T), sinh năm 1987 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1969; có hai em, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2018 cho đến nay. Có mặt.

***- Bị hại:***

1. Anh Phan Anh T, sinh năm 1983; địa chỉ: 423 lô I, chung cư T, phường T1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Ngô Trọng P, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đặng Thủy T, sinh năm 1974; địa chỉ: 423 lô I, chung cư T, phường T1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Phạm Quang C, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Anh Trương Quang T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã K, huyện G, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

5. Ông Tạ Đông H, sinh năm 1976; địa chỉ: 56/34 đường 1A, phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: 26 đường 138, khu phố 4, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: 107/2011 C, khu phố 1, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Nhựt Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9. Công ty TNHH MTV TM L; địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã X, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, khu phố T, phường P, thị xã X, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

10. Công ty TNHH DVTM XNK B; địa chỉ: 249/23 L, Phường 8, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Thủy T, sinh năm 1974; địa chỉ: 423 lô I, chung cư T, phường T1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hữu Long K. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ sở sản xuất phân vi sinh P do ông Đặng Thủy T làm chủ có kho phân trong khuôn viên công ty A tại ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Tại kho ông T thuê anh Phan Anh T làm quản lý, bị cáo Lê Tấn P, anh Ngô Trọng P, anh Phạm Quang C làm công nhân, ông Nguyễn Nhựt Q làm tài xế xe xúc.

Vào chiều ngày 05/7/2018, anh Phan Anh T không có mặt tại kho, bị cáo P đến nhà ông C nhờ chỉ người mua phân. Do có hẹn trước với ông Trương Quang T về việc mua máy cày nên đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C điện thoại cho T hỏi về thời gian chở máy xuống cho C. Ngày 06/7/2018, ông T thuê anh Nguyễn Hữu Long K điều khiển xe ô tô biển số 48C-038.24 chở ông T và máy cày xuống nhà ông C. Ông C điện thoại gọi bị cáo đến thỏa thuận với ông T bán 16 khối phân gà với giá 1.000.000 đồng/khối, tổng cộng 16.000.000 đồng. Ông T trả giá 12.000.000 đồng nên bị cáo không bán. Khoảng 30 phút sau, bị cáo quay lại và đồng ý bán cho ông T 16 khối phân gà với giá 12.000.000 đồng. Do không

có tiền mặt nên ông T nói với C lấy số tiền còn nợ bán máy cày trả cho bị cáo. Sau đó, cả hai về kho phân tại Công ty A, bị cáo nói anh Nguyễn Nhựt Q điều khiển máy xúc, xúc 27 gàu 16 khối phân gà vi sinh đưa lên xe ô tô 48C-038.24. Khi xe tải chở phân đi, bị cáo đến nhà ông C lấy tiền, C hẹn bị cáo ngày hôm sau quay lại. Ngày 08/7/2018, bị cáo đến nhà ông C gặp Bùi Thị X (vợ C) lấy số tiền 12.000.000 đồng.

Khoảng 10 ngày sau, bị cáo hỏi mượn ông Ngô Trọng P xe mô tô biển số 52U7-6505 (xe của anh Phan Anh T giao cho ông P quản lý) để đi đám ma ở Bình Dương. Do trước đó anh T có nhờ ông P gửi đồ về nên ông P nói bị cáo về phòng trọ lấy 01 máy tính xách tay và quần áo gửi cho anh T. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 52U7-6505 về phòng trọ lấy 01 máy tính xách tay, kèm theo 01 bộ loa và 01 túi xách chứa quần áo của anh T. Khi viếng đám ma xong do không có tiền tiêu xài nên bị cáo cầm cổ máy tính kèm theo bộ loa cho anh Nguyễn Văn D lấy số tiền 2.000.000 đồng, tiêu xài hết tiền trên bị cáo đến gặp anh D bán máy tính xách tay và bộ loa với giá 2.700.000 đồng, bị cáo lấy thêm số tiền 700.000 đồng.

Bị cáo phát hiện trong túi xách của anh T có 01 giấy đăng ký xe, 01 sổ đăng kiểm, 01 giấy bảo hiểm xe ô tô tải biển số 93C-926.27. Ngày 15/7/2018, bị cáo đem cầm sổ giấy tờ trên cho anh Nguyễn Văn L lấy số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 25/7/2018, bị cáo nhắn tin cho ông T đem số tiền 15.000.000 đồng đến tiệm cầm đồ của anh L để chuộc lại giấy tờ xe ô tô và nhắn cho ông T địa chỉ của tiệm cầm đồ. Bị cáo nhắn tin cho anh L nói có người đến chuộc thì lấy 15.000.000 đồng để bị cáo lấy số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 27/7/2018, bị cáo cầm xe mô tô biển số 52U7-6505 cho ông Tạ Đông H lấy số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 31/7/2018, ông T đến gặp anh L và cho biết sổ giấy tờ anh L đang cầm là do bị cáo trộm. Ngày 01/8/2018, khi bị cáo đến tiệm cầm đồ của anh L thì bị lực lượng Công an phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ. Sau đó chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu đen, model A42F; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Wave S, màu đen xám, biển số 52U7-6505; 01 giấy chứng minh nhân dân của bị cáo; 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số 93C-062.27; 01 sổ đăng kiểm xe ô tô biển số 93C-062.27; 01 giấy bảo hiểm xe ô tô biển số 93C-062.27.

Tại kết luận định giá tài sản số 88 ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên xác định: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS màu đen, model A42F trị giá 8.500.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 52U7-6505 trị giá 6.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 114 ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên xác định 15.252 tấn phân gà vi sinh trị giá 34.155.000 đồng.

Ngày 25/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra yêu cầu định giá tài sản số 42 đối với 02 loa máy tính hình vuông, màu đen, không xác định được nhãn hiệu, không xác định được thời gian mua và giá tiền. Ngày 26/10/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên có công văn số 119/HĐĐGTS về việc từ chối định giá tài sản do không đủ căn cứ định giá.

Đối với ông Phạm Văn C quá trình điều tra chỉ có lời khai của bị cáo Lê Tấn P khai nhận C là người kêu bị cáo P bán trộm phân gà vi sinh. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông C khai nhận bị cáo đến nhờ chỉ cho chỗ bán phân, không hưởng lợi gì. Nên không có căn cứ để xử lý đối với ông C.

Đối với bà Bùi Thị X là người đưa số tiền 12.000.000 đồng cho bị cáo. Tuy nhiên quá trình điều tra ông T (chủ cơ sở sản xuất phân vi sinh P) và bà X đều xác nhận sau khi biết bị cáo bán trộm phân ông T vẫn nói bà X đưa tiền cho bị cáo. Nên không có căn cứ để xử lý đối với bà X.

Đối với Trương Quang T, Tạ Đông H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D khi mua tài sản là phân vi sinh, máy tính xách tay và nhận cầm cố giấy tờ xe ô tô không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với 15.252 tấn phân gà vi sinh trị giá 34.155.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt, hiện không thu hồi được cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phan Anh T.

Đối với số tiền 2.700.000 đồng bị cáo bán máy tính xách tay cùng cặp loa và số tiền 1.000.000 đồng cầm xe mô tô biển số 52U7-6505, xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo cầm giấy tờ xe biển số 93C-062.27, ông T đã bỏ tiền ra chuộc lại nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho ông T số tiền trên.

Đối với số tiền đã bỏ ra để mua phân, máy tính và xe máy ông Trương Quang T, anh Tạ Đông H, anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự Viện kiểm sát không đặt ra.

Bản cáo trạng số: 05/CT – VKS- BTU ngày 07 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Tấn P về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 27 đến 36 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Phan Anh T số tiền 36.000.000 đồng và buộc nộp lại số tiền 3.700.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tấn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, là người nhờ ông C tìm hộ người bán phân, ông C và bà X không biết về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo thống nhất mức bồi thường như bị hại yêu cầu, không trình bày ý kiến tranh luận, không trình bày lời bào chữa cho hành vi phạm tội của bị cáo và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Bị cáo Lê Tấn P làm công nhân tại Cơ sở sản xuất phân vi sinh P do ông Đặng Thủy T làm chủ và anh Phan Anh T là người trực tiếp quản lý kho phân tại Công ty A thuộc ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Vào sáng ngày 06/7/2018, lợi dụng lúc anh Phan Anh T không có mặt tại kho phân bị cáo P bán cho ông Trương Quang T 16 khối phân gà vi sinh với giá 12.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, bị cáo Lê Tấn P mượn xe mô tô biển số 52U7-6505 do ông Ngô Trọng P quản lý để đi đám ma. Ông P gửi cho bị cáo 01 máy tính xách tay kèm loa vi tính và túi quần áo cho anh T. Sau khi đi đám ma, bị cáo đem bán máy tính xách tay và giàn loa vi tính cho anh Nguyễn Văn D lấy số tiền 2.700.000 đồng; bị cáo cầm xe mô tô biển số 52U7-6505 cho anh Tạ Đông H lấy số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo cầm giấy tờ xe ô tô biển số 93C-962.27 lấy số tiền 5.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 114 ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên xác định 15.252 tấn phân gà vi sinh trị giá 34.155.000 đồng. Tại kết luận định giá tài sản số 88 ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên xác định: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS màu đen, model A42F trị giá 8.500.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 52U7-6505 trị giá 6.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Phan Anh T trị giá 34.155.000 đồng và hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Nguyễn Trọng P khi được giao tài sản bị cáo chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 15.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

*Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:*

*“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong*

*các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:*

*... ”.*

*Tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:*

*“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;*

*... ”.*

Như vậy, Cáo trạng số 05/CT – VKS - BTU ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nghề nghiệp. Ngày 30/10/2014 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 02 năm tù về Tội trộm cắp tài sản.

Đối với ông Phạm Văn C quá trình điều tra bị cáo Lê Tấn P khai C là người kêu bị cáo bán trộm phân gà. Ông C khai bị cáo có mối quan hệ thân thiết với T là người quản lý kho phân, thấy bị cáo nhờ kêu hộ người bán phân nên giúp, không hưởng lợi gì. Ngoài lời khai của bị cáo và ông C không có chứng cứ gì khác. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận một mình thực hiện hành vi phạm tội, ông

C và bà X không biết về hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo là người nhờ ông C chỉ hộ người mua phân, ông C không được hưởng lợi gì. Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Bắc Tân Uyên đã tiến hành thủ tục đối chất theo quy định, xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai của ông C là phù hợp. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bà Bùi Thị X là người đưa số tiền 12.000.000 đồng cho bị cáo P để trả tiền số phân vi sinh mà ông T đã mua nhằm cản trừ vào số tiền mua máy cày còn thiếu ông T. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông T (chủ cơ sở sản xuất phân vi sinh P) và bà X đều xác nhận sau khi biết việc bị cáo bán trộm phân ông T vẫn nói bà X trả tiền cho bị cáo. Nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà X là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các anh Trương Quang T, anh Tạ Đông H, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn D khi mua tài sản là phân vi sinh, máy tính xách tay và nhận cầm cố giấy tờ xe ô tô không biết những tài sản trên là do bị cáo phạm tội mà có. Nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 15.252 tấn phân gà vi sinh không thu hồi được bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 36.000.000 đồng.

Đối với số tiền 2.700.000 đồng bị cáo bán máy tính xách tay cùng cặp loa và số tiền 1.000.000 đồng cầm xe mô tô biển số 52U7-6505, xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo cầm giấy tờ xe biển số 93C-062.27, ông T đã bỏ tiền ra chuộc lại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền trên.

Đối với số tiền đã bỏ ra để mua phân, máy tính và xe máy ông Trương Quang T, anh Tạ Đông H, anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tấn P phạm Tội trộm cắp tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn P 20 (Hai mươi) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn P 10 (Mười) tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt 20 (Hai mươi) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản và 10 (Mười) tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản buộc bị cáo Lê Tấn P phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Tấn P nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Tấn P phải bồi thường cho anh Phan Anh T số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Tấn P phải bồi thường cho ông Đặng Thủy T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Tấn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên ();
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Quyết**